

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HOÁ
PHƯƠNG NAM**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
QUÝ 3 NĂM 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HOÁ PHƯƠNG NAM

Mẫu số B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (riêng) QUÝ 3 NĂM 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Quý 3 năm 2016	Quý 3 năm 2015	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm 2016	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm 2015
Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ	01	7.1	15,816,079,930	16,418,240,087	40,210,461,614	29,882,527,148
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ	10		15,816,079,930	16,418,240,087	40,210,461,614	29,882,527,148
Giá vốn hàng bán	11	7.3	8,552,400,958	11,150,903,822	21,789,566,005	21,130,815,099
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7,263,678,972	5,267,336,265	18,420,895,609	8,751,712,049
Doanh thu hoạt động tài chính	21	7.4	1,388,151,756	501,851,180	5,545,292,489	4,377,922,012
Chi phí tài chính	22	7.5	2,259,463,741	8,784,035,035	10,620,984,248	13,251,179,189
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,659,013,123	1,702,700,735	4,930,417,715	4,211,366,212
Chi phí bán hàng	25	7.8.a	12,373,079	12,412,513	55,481,451	59,294,056
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7.8.b	2,310,041,658	2,127,692,885	7,386,536,760	7,200,178,484
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4,069,952,250	(5,154,952,988)	5,903,185,639	(7,381,017,668)
Thu nhập khác	31	7.6	27,351,833	8,554,250	123,570,424	27,955,473
Chi phí khác	32	7.7	431,523,343	243,982,206	1,047,128,757	843,595,435
Lợi nhuận khác	40		(404,171,510)	(235,427,956)	(923,558,333)	(815,639,962)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3,665,780,740	(5,390,380,944)	4,979,627,306	(8,196,657,630)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	750,551,945	-	750,551,945
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3,665,780,740	(6,140,932,889)	4,979,627,306	(8,947,209,575)

Ngày 29 tháng 10 năm 2016
Đại Diện Pháp luật

Lập biểu

Kế toán trưởng




Lê Thị Kim Sa

Ông Chu Nga



Phan Thị Lệ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (riêng)

Quý 3/2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2016	01/01/2016
A - Tài sản ngắn hạn	100		102,322,279,443	89,410,784,447
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2,678,735,003	2,762,144,847
1. Tiền	111	VI.1	678,735,003	762,144,847
2. Các khoản tương đương tiền	112		2,000,000,000	2,000,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		98,880,160,789	85,016,574,385
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3a	7,922,800,840	4,251,762,315
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5,718,071,147	3,049,347,640
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	VI.5	51,318,012,746	46,915,060,780
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.4a	34,689,648,056	31,568,775,650
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(768,372,000)	(768,372,000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	VI.6	188,952,232	934,359,771
1. Hàng tồn kho	141		188,952,232	934,359,771
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		574,431,419	697,705,444
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.13a	572,157,619	675,252,243
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,273,800	22,453,201
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	VI.14a	-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		153,275,866,219	157,506,009,218
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3,070,176,523	3,264,216,523
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		1,466,176,523	1,660,216,523
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	VI.4b	1,604,000,000	1,604,000,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		709,653,095	650,397,780
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	494,881,785	531,252,261
- Nguyên giá	222		5,394,770,953	5,327,553,003
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(4,899,889,168)	(4,796,300,742)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	214,771,310	119,145,519
- Nguyên giá	228		2,764,794,395	2,578,934,395
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2,550,023,085)	(2,459,788,876)

152-0
AM
LHI W

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2016	01/01/2016
III. Bất động sản đầu tư	230	VI.12	26,158,062,284	26,393,548,351
- Nguyên giá	231		31,124,657,481	31,124,657,481
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(4,966,595,197)	(4,731,109,130)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5,654,498,677	2,139,472,837
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	VI.7	5,654,498,677	2,139,472,837
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		114,322,135,991	119,871,652,889
1. Đầu tư vào công ty con	251	VI2	97,126,120,497	97,126,120,497
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	VI2	47,121,840,314	47,120,840,314
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	VI2	2,499,906,900	2,507,178,130
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	VI2	(32,425,731,720)	(26,882,486,052)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3,361,339,649	5,186,720,838
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13b	3,084,777,243	4,910,158,432
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		94,744,224	94,744,224
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		181,818,182	181,818,182
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		255,598,145,662	246,916,793,665
C – NỢ PHẢI TRẢ	300		191,919,468,177	188,217,743,486
I. Nợ ngắn hạn	310		191,301,624,817	187,739,150,126
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.16	2,010,209,871	1,667,048,879
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.17a	394,684,674	436,911,318
4. Phải trả người lao động	314		797,723,599	1,132,887,834
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.18	5,201,253,527	474,029,761
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.19a	26,552,753,146	26,388,272,334
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		156,345,000,000	157,640,000,000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		617,843,360	478,593,360
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	VI.19b	617,843,360	478,593,360
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.15b	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2016	01/01/2016
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		63,678,677,485	58,699,050,179
I. Vốn chủ sở hữu	410		63,678,677,485	58,699,050,179
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	VI.25	110,402,410,000	110,402,410,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		110,402,410,000	110,402,410,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24,738,460,046	24,738,460,046
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(2,616,000,640)	(2,616,000,640)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1,599,969,014	1,599,969,014
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(70,446,160,935)	(75,425,788,241)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(75,425,788,241)	(75,425,788,241)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4,979,627,306	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		255,598,145,662	246,916,793,665

Ngày 29 tháng 10 năm 2016
Đại Diện Pháp luật

Lập biểu

Kế toán trưởng

Kim Sa

Nga

Lê Thị Kim Sa

Ông Chu Nga



Phan Thị Lệ

3301
CÔNG
CỔ PHẦN
VĂN H
HÓA
PHƯƠNG
NAM
QUẬN 11
TP. HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp) ()*
Quý 3/2016

Chi tiêu	Mã số	Quý 3/2016	Quý 3/2015	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm 2016	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh					
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	442,625,360	430,843,904	3,540,419,246	1,587,074,204
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(10,891,419,101)	(15,494,103,342)	(27,694,994,104)	(34,641,588,672)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(1,619,159,126)	(1,689,821,002)	(5,562,436,989)	(6,000,433,736)
4. Tiền lãi vay đã trả	4	-	(4,367,000,000)	-	(4,367,000,000)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	-	-	-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	22,823,995,327	19,364,444,972	59,502,350,792	47,059,871,271
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(8,874,379,004)	(10,447,686,337)	(24,803,536,910)	(39,713,600,263)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1,881,663,456	(12,203,321,805)	4,981,802,035	(36,075,677,196)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(280,908,170)	-	(663,690,920)	(1,442,875)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	2,200,000	500,000	23,665,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3,250,000,000)	(4,000,000,000)	(5,750,000,000)	(18,160,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1,300,000,000	4,000,000,000	1,300,000,000	5,800,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5,196,452	50,782,843	48,028,676	722,709,694
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2,225,711,718)	52,982,843	(5,065,162,244)	(11,615,068,181)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn	31	-	-	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-	-	42,790,000,000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-	-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài	40	-	-	-	42,790,000,000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 =	50	(344,048,262)	(12,150,338,962)	(83,360,209)	(4,900,745,377)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3,022,783,265	15,318,026,781	2,762,144,847	8,078,371,451
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy	61	-	-	(49,635)	(9,938,255)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 =	70	2,678,735,003	3,167,687,819	2,678,735,003	3,167,687,819

Ngày 29 tháng 10 năm 2016

Lập biểu



Lê Thị Kim Sa

Kế toán trưởng



Ông Chu Nga

Đại Diện Pháp luật



Phan Thị Lệ

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002356 ngày 19 tháng 11 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 25 tháng 03 năm 2014.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 940 đường 3/2, P.15, Q.11, Thành phố Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 110.402.410.000 đồng.

Các Công ty con:

- Công ty TNHH MTV Sách Phương Nam
- Công ty TNHH MTV VPP Phương Nam
- Công ty TNHH MTV Phương Nam Phim
- Công ty TNHH MTV In Phương Nam
- Công ty TNHH Bán Lẻ Phương Nam
- Công ty TNHH Giải Trí Truyền Thông Phương Nam

Các Công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần Nhãn Hiệu Phương Nam
- Công ty CP TT Bách Việt Phương Nam
- Công ty CP Mega Phương Nam

- Công ty TNHH CGV Việt Nam.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30/09/2016 gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam tại Hà Nội.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam tại Hải Phòng.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam tại Đà Lạt.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực văn hóa.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình. Sản xuất và kinh doanh các tác phẩm điện ảnh: phim nhựa, phim quảng cáo, các sản phẩm nghe nhìn và thực hiện các dịch vụ khác thuộc lĩnh vực điện ảnh.
- In ấn các loại sách báo, tạp chí, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm, tem nhãn, bao bì các loại, giấy tờ quản lý kinh tế trên tất cả các chất liệu;
- Kinh doanh các dịch vụ thuộc ngành văn hóa thông tin: nhiếp ảnh, âm thanh, nhạc cụ, vẽ quảng cáo, thiết kế mỹ thuật, đánh máy, photocopy;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, nguyên liệu, thành phẩm và máy móc thiết bị có liên quan đến chức năng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Sản xuất các sản phẩm phục vụ nhu cầu học tập, văn hóa bằng tất cả các chất liệu;
- Dịch vụ: sửa chữa, bảo trì máy móc, công cụ do Công ty kinh doanh; giữ xe của khách hàng.
- Tổ chức biểu diễn thời trang, ca múa nhạc chuyên nghiệp;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng, máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác



CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Quý 3 NĂM 2016

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Sản xuất và mua bán các loại sản phẩm nghe nhìn: băng đĩa nhạc, băng đĩa hình, băng đĩa phim truyền, phim hoạt hình, băng đĩa có nội dung sân khấu – ca nhạc và các loại băng đĩa có nội dung được phép lưu hành;
- Dịch vụ bảo hộ quyền tác giả;
- Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không kinh doanh tại trụ sở);
- Kinh doanh rạp chiếu phim;
- Dịch vụ quảng cáo thương mại. Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan. Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính quý 03 kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2016.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

030
CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
P. 4K

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo [phương pháp đường thẳng/phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh/phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm] trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 15 năm
+ Máy móc và thiết bị	4 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 – 6 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10 năm
+ Phần mềm máy vi tính	4 – 8 năm

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản. Nếu giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Chính sách khấu hao được áp dụng nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Công ty.

4.7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo [phương pháp đường thẳng].

4.8. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

4.9. Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu và triển khai

- Chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

- Toàn bộ chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai nếu tạo ra được tài sản cố định vô hình sẽ được ghi nhận vào nguyên giá của tài sản cố định vô hình đó.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.11. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.12. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.



- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: theo điều lệ Công ty và Đại hội cổ đông.

4.13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.14. Thuê tài sản

Các hợp đồng được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu tài sản cho Công ty. Các hợp đồng không thỏa điều kiện nêu trên được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

4.15. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.17. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa nếm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu.

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

030
CÔNG
CỘP
VĂN
JONG
P. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Quý 3 NĂM 2016

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	30/09/2016	01/01/2016
- Tiền mặt	16,450,793	16,229,499
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	662,284,210	745,915,348
- Các khoản tương đương tiền	2,000,000,000	2,000,000,000
Cộng	2,678,735,003	2,762,144,847
2. Các khoản đầu tư tài chính	30/09/2016	01/01/2016
- Các khoản đầu tư công ty con:		
Giá gốc	97,126,120,497	97,126,120,497
+ Công ty Bán Lẻ Phương Nam	50,000,000,000	50,000,000,000
+ Công ty Phương Nam Phim	18,000,000,000	18,000,000,000
+ Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	8,230,252,241	8,230,252,241
+ Công ty In Phương Nam	895,868,256	895,868,256
+ Công ty Sách Phương Nam	10,000,000,000	10,000,000,000
+ Công ty TNHH Giải Trí Truyền Thông PN	10,000,000,000	10,000,000,000
Dự phòng	(24,735,059,214)	(19,191,813,546)
+ Công ty Bán Lẻ Phương Nam	-	-
+ Công ty Phương Nam Phim	(5,840,030,114)	(5,989,537,238)
+ Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	(6,573,152,871)	(6,412,011,302)
+ Công ty In Phương Nam	(126,402,730)	(128,416,263)
+ Công ty Sách Phương Nam	(2,195,473,499)	(1,765,159,783)
+ Công ty TNHH Giải Trí Truyền Thông PN	(10,000,000,000)	(4,896,688,960)
Giá hợp lý	72,391,061,283	77,934,306,951
+ Công ty Bán Lẻ Phương Nam	50,000,000,000	50,000,000,000
+ Công ty Phương Nam Phim	12,159,969,886	12,010,462,762
+ Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	1,657,099,370	1,818,240,939
+ Công ty In Phương Nam	769,465,526	767,451,993
+ Công ty Sách Phương Nam	7,804,526,501	8,234,840,217
+ Công ty TNHH Giải Trí Truyền Thông PN	-	5,103,311,040
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		
Giá gốc	47,121,840,314	47,120,840,314
+ Công ty CP Nhãn Hiệu Phương Nam	9,584,000,000	9,584,000,000
+ Công ty CP TT Bách Việt Phương Nam	2,500,000,000	2,500,000,000
+ Công ty CP Mega Phương Nam	4,352,000,000	4,351,000,000
+ Công ty TNHH CGV VN	30,685,840,314	30,685,840,314
Dự phòng	(7,690,672,506)	(7,690,672,506)
+ Công ty CP Nhãn Hiệu Phương Nam	(5,740,816,000)	(5,740,816,000)
+ Công ty CP TT Bách Việt Phương Nam	(194,066,247)	(194,066,247)
+ Công ty CP Mega Phương Nam	(1,755,790,259)	(1,755,790,259)
+ Công ty TNHH CGV VN		
- Đầu tư khác	2,499,906,900	2,507,178,130
+ Khác	-	7,271,230
+ Công ty CP Sách & Thiết bị Trường học Sóc Trăng	2,499,906,900	2,499,906,900

Lưu ý:

- Chưa trích dự phòng bổ sung các Công ty liên kết tại thời điểm lập báo cáo do chưa thu thập báo cáo tài chính của các Công ty :

- + Công ty CP Nhãn Hiệu Phương Nam
- + Công ty CP TT Bách Việt Phương Nam
- + Công ty CP Mega Phương Nam

CÔNG TY
 VĂN HÓA
 PHƯƠNG
 NAM
 HIỆU

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Quý 3 NĂM 2016
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

3. Phải thu của khách hàng

	30/09/2016	01/01/2016
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
+ Các khoản phải thu khách hàng khác	1,144,677,853	3,510,889,354
+ Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	6,778,122,987	740,872,961
- Công ty Bán Lẻ Phương Nam	1,296,704,200	-
- Công ty Phương Nam Phim	1,235,787,609	740,817,961
- Công ty In Phương Nam	-	-
- Công ty Sách Phương Nam	1,369,349,325	-
- Công ty Truyền thông Phương nam	2,875,584,582	55,000
- Công ty Mega Phương nam	697,271	-
Cộng	7,922,800,840	4,251,762,315

4. Phải thu khác

	30/09/2016	01/01/2016
a) Ngắn hạn		
- Phải thu khác.	33,045,282,032	30,179,281,979
- Phải thu tạm ứng	1,639,366,024	681,183,429
- Phải thu ký quỹ	5,000,000	708,310,242
Cộng	34,689,648,056	31,568,775,650

Trong đó, phải thu khác:

+ Khách hàng khác	1,512,849,125	326,089,514
+ Các bên liên quan:	31,532,432,907	29,853,192,464
- Công ty Bán Lẻ Phương Nam	13,736,132,281	14,282,891,685
- Công ty Phương Nam Phim	50,086,732	2,246,878,395
- Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	186,519,563	339,466,201
- Công ty Sách Phương Nam	16,823,671,508	12,717,110,401
- Công ty GT Truyền thông Phương nam	718,733,965	251,446,924
- Công ty Mega Phương nam	1,890,000	-
- Công ty CP nhãn Hiệu Phương Nam	15,398,858	15,398,858
b) Dài hạn		
- Phải thu ký quỹ	1,604,000,000	1,604,000,000
Cộng	1,604,000,000	1,604,000,000

5. Phải thu về cho vay

	30/09/2016	01/01/2016
+ Ngắn hạn		
++ Khác	-	-
+++ Các bên liên quan	51,318,012,746	46,915,060,780
- Công ty Bán Lẻ Phương Nam	30,081,535,049	30,081,535,049
- Công ty Phương Nam Phim	-	-
- Công ty Sách Phương Nam	9,465,495,860	9,465,495,860
- Công ty GT Truyền thông Phương nam	11,770,981,837	7,368,029,871
Cộng	51,318,012,746	46,915,060,780

6. Hàng tồn kho:

	30/09/2016	01/01/2016
- Công cụ, dụng cụ;	20,150,015	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang;	168,802,217	934,359,771
Cộng	188,952,232	934,359,771

7. Tài sản dở dang dài hạn

	30/09/2016	01/01/2016
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Mua sắm;	13,005,000	-
- XD CB;	5,641,493,677	2,139,472,837
+ Dự án các nhà sách	5,641,493,677	2,139,472,837
Cộng	5,654,498,677	2,139,472,837

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Quý 3 NĂM 2016
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Máy móc quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	2,025,587,717		1,505,109,571	1,796,855,715	5,327,553,003
- Mua trong kỳ	-	-	-	234,422,750	234,422,750
- Đầu tư XDCB hoàn thành					-
- Tặng khác					-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán				167,204,800	167,204,800
- Giảm khác					-
Số dư cuối kỳ	2,025,587,717		1,505,109,571	1,864,073,665	5,394,770,953
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	1,847,635,770		1,505,109,571	1,443,555,401	4,796,300,742
- Khấu hao trong kỳ	52,302,403	-	-	91,284,112	143,586,515
- Tặng khác					-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán				39,998,089	39,998,089
- Giảm khác					-
Số dư cuối kỳ	1,899,938,173		1,505,109,571	1,494,841,424	4,899,889,168
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu kỳ	177,951,947	-	-	353,300,314	531,252,261
- Tại ngày cuối kỳ	125,649,544	-	-	369,232,241	494,881,785

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm			2,578,934,395	2,578,934,395
- Mua trong năm			185,860,000	185,860,000
- Tạo ra từ nội bộ DN				-
- Tặng do hợp nhất kinh doanh				-
- Tặng khác			185,860,000	185,860,000
- Thanh lý, nhượng bán				-
- Giảm khác(chuyển BDS)				-
Số dư cuối năm			2,764,794,395	2,764,794,395
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm			2,459,788,876	2,459,788,876
- Khấu hao trong năm			90,234,209	90,234,209
- Tặng khác				-
- Thanh lý, nhượng bán				-
- Giảm khác				-
Số dư cuối năm			2,550,023,085	2,550,023,085
Giá trị còn lại				
- Tại ngày đầu năm			119,145,519	119,145,519
- Tại ngày cuối năm			214,771,310	214,771,310

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Quý 3 NĂM 2016
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

Khoản mục	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
a) Bất động sản đầu tư				
Nguyên giá	31,124,657,481	-	-	31,124,657,481
- Quyền sử dụng đất	25,232,525,000			25,232,525,000
- Nhà	5,892,132,481			5,892,132,481
- Nhà và quyền sử dụng đất	-			-
- Cơ sở hạ tầng	-			-
Giá trị hao mòn lũy kế	4,731,109,130	235,486,067	-	4,966,595,197
- Quyền sử dụng đất				-
- Nhà	4,731,109,130	235,486,067		4,966,595,197
Giá trị còn lại	26,393,548,351	(235,486,067)	-	26,158,062,284
- Quyền sử dụng đất	25,232,525,000			25,232,525,000
- Nhà	1,161,023,351	(235,486,067)		925,537,284
- Nhà và quyền sử dụng đất	-			-
- Cơ sở hạ tầng				-

13. Chi phí trả trước

	30/09/2016	01/01/2016
a) Ngắn hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	-	8,160,224.00
- Các khoản khác	572,157,619	667,092,019.00
Cộng	572,157,619	675,252,243

b) Dài hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	251,262,418	229,134,849
- Các khoản khác	2,833,514,825	4,681,023,583
Cộng	3,084,777,243	4,910,158,432

15. Vay và nợ thuê tài chính

	30/09/2016	01/01/2016
a) Vay ngắn hạn		
Cross Junction Investment Pte., Ltd	156,345,000,000	157,640,000,000
Khác	-	-
Cộng	156,345,000,000	157,640,000,000

16. Phải trả người bán

	30/09/2016	01/01/2016
Ngắn hạn		
- Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
+ Phải trả cho các đối tượng khác	1,623,220,156	1,624,321,347
+ Phải trả người bán các bên liên quan	386,989,715	42,727,532
- Công ty Bán Lê Phương Nam	355,674,715	-
- Công ty Phương Nam Phim	715,000	1,309,000
- Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	-	4,908,532
- Công ty Truyền thông Phương nam	-	5,910,000
- Công ty Mega Phương nam	30,600,000	30,600,000
Cộng	2,010,209,871	1,667,048,879



CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Quý 3 NĂM 2016
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

	30/09/2016	01/01/2016
17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		
a) Phải nộp		
-Thuế giá trị gia tăng	365,151,305	408,445,753
-Thuế thu nhập cá nhân	29,533,369	28,465,565
Cộng	394,684,674	436,911,318
18. Chi phí phải trả	30/09/2016	01/01/2016
Ngắn hạn	5,201,253,527	474,029,761
-Lãi vay	4,948,182,842	236,662,959
- Các khoản trích trước khác;	253,070,685	237,366,802
Cộng	5,201,253,527	474,029,761
	30/09/2016	01/01/2016
19. Phải trả khác		
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết;	82,001	231,207
- Kinh phí công đoàn;	14,105,000	30,680,030
- Bảo hiểm xã hội;	161,708,669	126,107,643
- Bảo hiểm thất nghiệp;	12,351,951	12,187,011
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	26,364,505,525	26,219,066,443
Cộng	26,552,753,146	26,388,272,334
Phải trả phải nộp khác:		
-Cty Envoy Media Partners LTD	17,872,000,000	18,032,000,000
-Hủy giao dịch bán cổ phiếu	7,210,000,000	7,210,000,000
-Khác:	1,054,251,400	977,066,443
-Các bên liên quan	228,254,125	-
+ Công ty Bán Lễ Phương Nam	143,862,540	-
+ Công ty Phương Nam Phim	-	-
+ Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	-	-
+ Công ty In Phương Nam	81,499,660	-
+ Công ty Sách Phương Nam	2,891,925	-
	26,364,505,525	26,219,066,443
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	617,843,360	478,593,360
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-
Cộng	617,843,360	478,593,360



CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Quý 3 NĂM 2016
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

25. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu	LNST thuế chưa phân phối và các quỹ	
Số dư đầu năm trước	110,402,410,000	24,738,460,046	(2,616,000,640)	1,599,969,014	(69,419,349,259)	64,705,489,161
-Tăng vốn trong kỳ trước						
-Lãi kỳ trước					-	-
-Tăng khác						
-Giảm vốn kỳ trước						
-Lỗ kỳ trước					(6,006,438,982)	(6,006,438,982)
-Giảm khác						
Số dư đầu năm nay	110,402,410,000	24,738,460,046	(2,616,000,640)	1,599,969,014	(75,425,788,241)	58,699,050,179
-Tăng vốn trong kỳ này						
-Lãi kỳ này					4,979,627,306	4,979,627,306
-Tăng khác						
-Giảm vốn kỳ này						
-Lỗ kỳ này						
-Giảm khác						
Số dư cuối năm nay	110,402,410,000	24,738,460,046	(2,616,000,640)	1,599,969,014	(70,446,160,935)	63,678,677,485

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Quý 3 NĂM 2016
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	<u>30/09/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
+ Vốn góp đầu năm	110,402,410,000	110,402,410,000
+ Vốn góp cuối năm	110,402,410,000	110,402,410,000
d) Cổ phiếu	<u>30/09/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11,040,241	11,040,241
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11,040,241	11,040,241
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(240,890)	(240,890)
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10,799,351	10,799,351
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :10.000/cổ phiếu		
	<u>30/09/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
e) Các quỹ của doanh nghiệp:		
- Quỹ đầu tư phát triển;	1,599,969,014	1,599,969,014
29. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	<u>30/09/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Ngoại tệ các loại: USD.	264.62	264.62

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Quý 3/2016</u>	<u>Quý 3/2015</u>
Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng;	3,162,652,946	7,094,088,868
- Doanh thu cung cấp dịch vụ;	12,653,426,984	9,324,151,219
- Doanh thu hợp đồng xây dựng;		
Cộng	<u>15,816,079,930</u>	<u>16,418,240,087</u>
Trong đó	-	-
+Khác	587,549,891	719,614,792
+Các bên liên quan	15,228,530,039	15,698,625,295
-Trong đó		
-Công ty Bán Lẻ Phương Nam	13,025,857,595	14,756,379,915
-Công ty Phương Nam Phim	412,419,205	240,203,336
-Công ty In Phương Nam	-	165,000,000
-Công ty Sách Phương Nam	536,880,044	355,106,102
-Công ty Truyền thông Phương Nam	1,253,373,195	181,935,942
Cộng	<u>15,816,079,930</u>	<u>16,418,240,087</u>
	-	-
	<u>Quý 3/2016</u>	<u>Quý 3/2015</u>
3. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của hàng hóa đã bán;	2,837,164,425	6,326,960,774
- Giá vốn của dịch vụ ;	5,715,236,533	4,823,943,048
Cộng	<u>8,552,400,958</u>	<u>11,150,903,822</u>
	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Quý 3 NĂM 2016
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

+Khách hàng khác	110,974,869	190,628
+Khách hàng các bên liên quan	8,441,426,089	11,150,713,194
-Trong đó:	-	-
-Công ty Bán Lê Phương Nam	6,550,062,152	10,371,418,610
-Công ty Phương Nam Phim	278,749,022	246,999,859
-Công ty Sách Phương Nam	359,241,720	350,358,783
-Công ty Truyền thông Phương Nam	1,253,373,195	181,935,942
Cộng	8,552,400,958	11,150,903,822
4. Doanh thu hoạt động tài chính	Quý 3/2016	Quý 3/2015
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1,353,151,756	501,851,180
- Lãi chênh lệch tỷ giá;	35,000,000	-
- Chiết khấu thanh toán;	-	-
Cộng	1,388,151,756	501,851,180
-Trong đó lãi tiền cho vay các bên liên quan:	-	-
-Công ty Bán Lê Phương Nam	787,150,343	386,400,002
-Công ty Phương Nam Phim	27,358,332	62,521,668
-Công ty Sách Phương Nam	241,998,228	2,146,667
-Công ty Truyền thông Phương Nam	271,605,652	-
5. Chi phí tài chính	Quý 3/2016	Quý 3/2015
-Lãi tiền vay;	1,659,013,123	1,702,700,735
-Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm;	-	-
-Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính;	-	-
-Chênh lệch tỷ giá;	-	4,655,000,000
-Dự phòng lỗ đầu tư (cty con, cty liên kết)	600,450,618	2,426,334,300
- Chi phí tài chính khác;	-	-
- Các khoản ghi giảm chi phí tài chính.	-	-
Cộng	2,259,463,741	8,784,035,035
6. Thu nhập khác	Quý 3/2016	Quý 3/2015
-Thanh lý nhượng bán TSCĐ,CCDC	-	2,018,182
-Tiền phạt thu được (tư vấn)	10,000,000	-
-Hỗ trợ khác NCC	9,000,000	1,000,000
-Các khoản khác	-	1,722,064
-Công nợ không đòi	8,351,833	3,814,004
Cộng	27,351,833	8,554,250
7. Chi phí khác	Quý 3/2016	Quý 3/2015
- Thanh lý TSCĐ,CCDC	113,825,826	-
- Phạt vi phạm công bố thông tin, thuế	76,375,900	-
- Khấu hao TSCĐ	-	38,020,890
-Các khoản khác.	241,321,617	205,961,316
+Xử lý nợ khó đòi	96,230,253	145,819,980
+Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	138,000,000	25,418,000
+Trợ cấp gia đình chính sách	1,500,000	1,500,000
+Khác	5,591,364	33,223,336
Cộng	431,523,343	243,982,206



8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý 3/2016	Quý 3/2015
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	-	-
Chi phí vật liệu, bao bì	-	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12,373,079	12,373,079
Thuế ,lệ phí	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	(1,847,648)
Chi phí khác bằng tiền.	-	1,887,082
Cộng	12,373,079	12,412,513
	-	-
b. Chi phí quản lý		
Chi phí nhân viên quản lý	551,359,762	579,589,214
Chi phí vật liệu, bao bì quản lý	-	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	51,185,505	38,150,070
Chi phí khấu hao tài sản cố định	120,040,867	97,831,228
Thuế ,lệ phí	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	345,531,706	330,856,886
Chi phí khác bằng tiền.	1,241,923,818	1,081,265,487
Cộng	2,310,041,658	2,127,692,885
	-	-
9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Quý 3/2016	Quý 3/2015
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu;	-	-
- Chi phí nhân công;	551,359,762	579,589,214
- Chi phí khấu hao tài sản cố định;	183,599,451	148,354,377
- Chi phí dịch vụ mua ngoài;	345,531,706	329,009,238
- Chi phí khác bằng tiền.	1,241,923,818	1,083,152,569
Cộng	2,322,414,737	2,140,105,398
	-	-
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Quý 3/2016	Quý 3/2015
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế;	94,744,224	750,551,945

IX. Những thông tin khác

3. Thông tin về các bên liên quan

Tên công ty

+ Công ty Bán Lẻ Phương Nam	Công ty con
+ Công ty Phương Nam Phim	Công ty con
+ Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	Công ty con
+ Công ty In Phương Nam	Công ty con
+ Công ty Sách Phương Nam	Công ty con
+ Công ty GT-Truyền Thông Phương Nam	Công ty con
+ Công ty Mega Phương Nam	Công ty liên kết
+ Công ty CP nhãn Hiệu Phương Nam	Công ty liên kết
+ Công ty CP TT Bách Việt Phương Nam	Công ty liên kết
+ Công ty TNHH CGV Việt Nam	Công ty liên kết
+ Công ty Sách & Thiết bị Trường học Sóc Trăng	Công ty liên kết

318
 CÔNG
 CỘP
 VĂN
 UỐN
 TP

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Quý 3 NĂM 2016
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Số dư các bên liên quan:	30/09/2016	01/01/2016
- Phải thu thương mại		
+ Công ty Bán Lẻ Phương Nam	1,296,704,200	-
+ Công ty Phương Nam Phim	1,235,787,609	740,817,961
+ Công ty Sách Phương Nam	1,369,349,325	-
+ Công ty GT-Truyền Thông Phương Nam	2,875,584,582	
+ Công ty Mega Phương Nam	697,271	
Cộng	6,778,122,987	740,817,961
- Phải trả thương mại		
+ Công ty Bán Lẻ Phương Nam	355,674,715	-
+ Công ty Phương Nam Phim	715,000	1,309,000
+ Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	-	4,908,532
+ Công ty GT-Truyền Thông Phương Nam	-	5,910,000
+ Công ty Mega Phương Nam	30,600,000	30,600,000
Cộng	386,989,715	42,727,532
- Phải thu khác		
+ Công ty Bán Lẻ Phương Nam	13,736,132,281	14,282,891,685
+ Công ty Phương Nam Phim	50,086,732	2,246,878,395
+ Công ty Văn phòng phẩm Phương Nam	186,519,563	339,466,201
+ Công ty Sách Phương Nam	16,823,671,508	12,717,110,401
+ Công ty GT-Truyền thông Phương Nam	718,733,965	251,446,924
+ Công ty Mega Phương Nam	1,890,000	-
+ Công ty CP nhãn Hiệu Phương Nam	15,398,858	15,398,858
Cộng	31,532,432,907	29,853,192,464
- Phải trả khác		
+ Công ty Bán Lẻ Phương Nam	143,862,540	-
+ Công ty In Phương Nam	81,499,660	-
+ Công ty Sách Phương Nam	2,891,925	-
Cộng	228,254,125	-
- Phải thu tiền vay		
+ Công ty Bán Lẻ Phương Nam	30,081,535,049	30,081,535,049
+ Công ty Sách Phương Nam	9,465,495,860	9,465,495,860
+ Công ty GT-Truyền Thông Phương Nam	11,770,981,837	7,368,029,871
Cộng	51,318,012,746	46,915,060,780

2552
 TY
 AN
 HOA
 NAM
 10 CH

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Quý 3 NĂM 2016
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong Báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

	Giá trị ghi sổ	
	30/09/2016	01/01/2016
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2,678,735,003	2,762,144,847
Phải thu khách hàng	7,922,800,840	4,251,762,315
Phải thu khác	36,293,648,056	33,172,775,650
Khoản đầu tư tài chính	51,318,012,746	46,915,060,780
Tài sản tài chính khác	2,499,906,900	2,507,178,130
Tổng cộng	100,713,103,545	52,801,215,018
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	156,345,000,000	157,640,000,000
Phải trả người bán	2,010,209,871	1,667,048,879
Phải trả khác	27,170,596,506	26,866,865,694
Chi phí phải trả	5,201,253,527	474,029,761
Tổng cộng	190,727,059,904	159,675,448,167

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 10 năm 2016

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



Lê Thị Kim Sa



Ông Chu Ngọc



Phan Thị Lệ

